

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2020/DS-ST**  
Ngày 16/9/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thị Nhân

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 94/2020/TLST-DS, ngày 19/8/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị C, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn 12, xã K, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang,

*\* Bị đơn:* Chị **Tho Hoa B**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 15, phường A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lộc Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 15, phường A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

*\* Người làm chứng:* Ông Tho Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

*Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Bà Tạ Thị C trình bày: Do quen biết bà C cho chị Tho Hoa B, sinh năm 1991, địa chỉ tại tổ 15, phường A, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, công tác tại: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Tuyên Quang vay tiền, với tổng số tiền là 557.000.000đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng), khi vay chị Tho Hoa B có viết giấy vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 11/01/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hạn đến ngày 11/3/2020 trả;
- Ngày 13/01/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hạn đến ngày 13/3/2020 trả;
- Ngày 18/01/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 50.000.000đ;
- Ngày 13/02/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 107.000.000đ (Một trăm linh bảy triệu đồng), hạn sau 7 ngày trả;
- Ngày 24/3/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), hạn sau 1 tháng trả;
- Ngày 27/3/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Chị Tho Hoa B đã trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn nợ 547.000.000đ (Năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng), bà C đòi nhiều lần nhưng chị B không trả nên bà C khởi kiện ra toà yêu cầu chị Tho Hoa B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc là 547.000.000đ (*Năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng*) và tiền lãi suất chậm trả với mức 1,125%/tháng tính từ ngày chậm trả theo giấy vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa Bà Tạ Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tại Giấy vay tiền ngày 27/3/2020, số tiền gốc chị Tho Hoa B còn phải trả là 497.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng*); Sửa đổi bổ sung về yêu cầu tính lãi suất chậm trả như sau: Yêu cầu chị Tho Hoa B phải trả lãi suất chậm trả là 0,8%/tháng đối với các khoản vay cụ thể như sau:

- Khoản vay ngày 11/01/2020, số tiền 100.000.000đ, hạn sau 01 tháng trả, bà C yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 12/3/2020 đến 16/9/2020 là 06 tháng 03 ngày, tương ứng với  $(100.000.000đ \times 0,8\%/tháng: 30 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày}) + 100.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 06 \text{ tháng} = 4.880.000đ$  (*Bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*);

- Khoản vay 13/01/2020 số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hạn đến ngày 13/3/2020 trả, bà C yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 13/3/2020 đến ngày 16/9/2020 là 06 tháng 02 ngày, tương ứng với:  $(80.000.000đ \times 0,8\% : 30 \times 02 \text{ ngày}) + (80.000.000đ \times 0,8\% \times 6 \text{ tháng}) = 3.882.600đ$  (*Ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng*);

- Khoản vay ngày 13/2/2020, số tiền 107.000.000đ, hạn sau 07 ngày trả, bà C yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 21/02/2020 đến ngày 16/9/2020 là 06 tháng 25 ngày, tương ứng  $(107.000.000đ \times 0,8\% : 30 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày}) + (107.000.000đ \times 0,8\% \times 06 \text{ tháng}) = 5.849.300đ$  (*Năm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm đồng*);

- Khoản vay ngày 24/3/2020, số tiền 170.000.000đ, hạn sau một tháng trả, bà C yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 25/4/2020 đến ngày 16/9/2020 là 04 tháng 21 ngày, tương ứng:  $(170.000.000đ \times 0,8\% : 30 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày}) +$

$(170.000.000đ \times 0,8\% \times 4 \text{ tháng}) = 6.392.000đ$  (Sáu triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng);

Tổng số tiền lãi suất chậm trả Bà Tạ Thị C yêu cầu là 21.003.900đ (Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng); Tổng cộng cả gốc và lãi sBà Tạ Thị C yêu cầu chị Tho Hoa B phải trả là 518.003.900 đồng (Năm trăm mười tám triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng), trong đó tiền gốc là 497.000.000đ (Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng), tiền lãi là 21.003.900đ (Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng).

Về án phí: Bà Tạ Thị C đề nghị HĐXX giải quyết, chị Tho Hoa B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

Tại bản tự khai và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án chị Tho Hoa B khai: Chị đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ do Bà Tạ Thị C cung cấp, chị Tho Hoa B xác nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy vay tiền Bà Tạ Thị C cung cấp đúng là chữ ký chữ viết của chị chị Tho Hoa B, chị Tho Hoa B có ý kiến như sau:

- Đối với giấy vay tiền ngày 24/3/2020 (thực tế là ngày 24/4/2020), số tiền vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) số tiền này là khoản vay ngày 13/02/2020 là 107.000.000 đồng và khoản vay ngày 27/3/2020 là 50.000.000 đồng. Giấy vay số tiền 170.000.000 đồng là tổng cộng của hai khoản vay và gốc và lãi ngày 13/02/2020 và ngày 27/3/2020 mà chị Tho Hoa B chưa trả cho Bà Tạ Thị C. Khoản vay 107.000.000 đồng, bà C tính lãi là 10.000đ/1 triệu/1 ngày, sau 10 ngày chị Tho Hoa B phải trả cho bà C 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi. Số tiền 50.000.000 đồng Bà Tạ Thị C tính lãi 5.000đ/1 triệu/1 ngày, số tiền này chị B đã trả đủ lãi cho Bà Tạ Thị C. Khi chị B viết giấy vay 24/3/2020, số tiền vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) chị Tho Hoa B không lấy lại giấy vay ngày 13/02/2020 và giấy vay ngày 27/3/2020. Đối với khoản vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) chị Tho Hoa B xác định đã trả lãi cho bà C nhiều hơn cả số tiền gốc nên chị Tho Hoa B không chấp nhận thanh toán khoản tiền này.

- Đối với giấy vay tiền ngày 18/01/2020, số tiền vay là 50.000.000 đồng, có chữ ký ghi tên chồng chị Tho Hoa B là Trương Tuấn A, chị Tho Hoa B xác định đây là chữ ký do chị Tho Hoa B ký mạo và viết tên Trương Tuấn A vì Bà Tạ Thị C bắt chị Tho Hoa B phải ký và ghi tên chồng vào, khoản tiền này chị Tho Hoa B đã trả cho bà C.

- Ngày 27/4/2020 chị Tho Hoa B đã trả cho bà C 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Chị Tho Hoa B xác định chị chỉ có trách nhiệm trả cho bà C số tiền của hai giấy vay: Ngày 11/01/2020 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và giấy vay ngày 13/01/2020 chị Tho Hoa B viết giấy vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); Tổng cộng là 180.000.000đ (Một triệu đồng), trừ đi 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã trả, còn 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

- Chị Tho Hoa B không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án và đề nghị Tòa án không triệu tập hoà giải nữa và xem xét giải quyết, xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Tho Hoa B trình bày: Chị không nhất trí thanh toán nợ theo yêu cầu của Bà Tạ Thị C, chị xác định khoản vay 170.000.000đ ngày 24/3/2020 là tổng của khoản vay 107.000.000đ ngày 13/02/2020 và khoản vay 50.000.000đ ngày 18/01/2020 và 20.000.000đ tiền lãi của 20 ngày, tổng cộng là 177.000.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*) nhưng chị Tho Hoa B đã trả cho bà C được 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) số tiền còn nợ lại là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) Bà Tạ Thị C yêu cầu chị Tho Hoa B viết Giấy vay tiền ngày 24/3/2020 với số tiền vay 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), ông Tho Văn C là bố đẻ của chị đã trả giúp chị cho Bà Tạ Thị C 10.000.000đ, số còn lại là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*), chị B đã trả lãi ngoài cho bà C nhiều lần nhiều hơn số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) nên chị Tho Hoa B xác định không trả khoản nợ này nữa. Chị Tho Hoa B xác định chị đã sai lầm khi tin tưởng Bà Tạ Thị C nên khi viết lại giấy vay tiền vào ngày 24/3/2020 chị đã không lấy lại giấy vay tiền chị đã viết ngày 13/02/2020 với số tiền vay là 107.000.000đ (*Một trăm linh bảy triệu đồng*) và giấy vay tiền ngày 18/01/2020 với số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Chị B xác định thực tế chỉ nợ còn bà C 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Tho Văn C, trình bày: Ông là bố đẻ của chị Tho Hoa B, trước đây ông có trả cho bà C hộ chị B 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*), ông C không xác định được là khoản vay nào, ngoài ra ông C có được bà C cho biết việc chị Tho Hoa B vay của Bà Tạ Thị C 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) và ông có được xem giấy vay 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) do chị Tho Hoa B viết, ông C có trả cho bà C 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Thực tế ông không biết chị Tho Hoa B vay tiền của bà C như thế nào.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bà Lộc Thị T xác nhận, ngày 11/01/2020 Bà Lộc Thị T có dẫn chị Tho Hoa B đến nhà bà C để chị B vay tiền, bà C có đồng ý cho chị B vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), chị B có viết giấy vay của Bà Tạ Thị C 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), hạn 11/3/2020 trả, giấy vay tiền có chữ ký của người vay là Tho Hoa B, người bảo lãnh Lộc Thị T bà T có ký vào phần chữ ký người bảo lãnh trong giấy vay tiền mà chị B viết cho bà C. Tuy nhiên bà T xác định bà chỉ là người làm chứng vì bà T biết bà C hay cho vay tiền nên dẫn chị B đến hỏi vay và bà C bảo bà T phải ký vào giấy vay tiền vì bà T là người đưa chị B đến nên bà T ký chứ bà T không được hưởng lợi gì từ việc chị B vay tiền của bà C, bà T xác định bà không phải trả khoản tiền chị B vay của bà C, bà nhận trách nhiệm đôn đốc chị B trả số tiền trên cho bà C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Q triệu tập Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; Nơi công tác: Trường Quân sự quân khu II, thành phố

V, tỉnh Vĩnh Phúc, tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/8/2020 Bà Tạ Thị C, chị Tho Hoa B anh Trương Tuấn A đều xác định chữ ký và chữ viết ghi Trương Tuấn A trong Giấy vay ngày 18/01/2020 không phải là chữ ký chữ viết của anh Trương Tuấn A, Bà Tạ Thị C xác nhận Trương Tuấn A không ký vào giấy vay tiền trước mặt bà C, bà C cũng không biết có phải chữ ký chữ viết Trương Tuấn A trong giấy vay là của anh Trương Tuấn A hay không, bà C không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết, không yêu cầu anh Trương Tuấn A phải có trách nhiệm gì đối với khoản nợ này.

Bà Tạ Thị C xác nhận khoản tiền ông C đã trả thay chị B là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền này bà đã trình bày trong đơn và bản tự khai, biên bản hòa giải đã ghi, bà C không nhất trí với ý kiến của chị B, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày tại phiên tòa, yêu cầu chị B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà C số tiền cả gốc và lãi là Tổng cộng cả gốc và lãi bà C yêu cầu chị B phải trả là 518.003.900đ (Năm trăm mười tám triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng), trong đó tiền lãi là 21.003.900đ (Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng), tiền gốc là 497.000.000đ (Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Tho Hoa B chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Vụ án về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa HĐXX chấp nhận đưa ông Tho Văn C vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều Các 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Tho Hoa B phải thanh toán cho Bà Tạ Thị C khoản nợ gốc là 497.000.000đ (Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng) và lãi suất chậm trả đối với các khoản vay ngày 11/01/2020, ngày 13/01/2020, ngày 13/02/2020 và ngày 24/3/2020 với mức lãi suất là 0,8%/tháng;

- Chị Tho Hoa B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án, Bà Tạ Thị C không phải chịu án phí, trả lại Bà Tạ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Tuyên quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại thành phố Q. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt theo giấy triệu tập của vụ án;

- Các đương sự đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ của vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp cho HĐXX bảng tính lãi suất chậm trả, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Tạ Thị C yêu cầu chị Tho Hoa B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà cả tiền gốc và lãi là Tổng cộng cả gốc và lãi bà C yêu cầu chị B phải trả là 518.003.900đ (*Năm trăm mười tám triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*), trong đó tiền lãi là 21.003.900đ (*Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*), tiền gốc là 497.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng*). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Tho Hoa B chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc vay tiền giữa Bà Tạ Thị C và chị Tho Hoa B được lập thành văn bản là các giấy vay tiền Bà Tạ Thị C đã cung cấp cho Tòa án, nội dung xác định: Ngày 11/01/2020 chị Tho Hoa B vay của Bà Tạ Thị C 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), hạn đến ngày 11/3/2020 trả; Ngày 13/01/2020 chị Tho Hoa B vay của Bà Tạ Thị C 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*), hạn đến ngày 13/3/2020 trả; Ngày 18/01/2020 chị Tho Hoa B vay Bà Tạ Thị C 50.000.000đ; Ngày 13/02/2020 chị Tho Hoa B vay Bà Tạ Thị C 107.000.000đ (*Một trăm linh bảy triệu đồng*), hạn sau 7 ngày trả; Ngày 24/3/2020 chị Tho Hoa B vay Bà Tạ Thị C 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), hạn sau 1 tháng trả; Ngày 27/3/2020 chị Tho Hoa B vay của chú Hùng thôn 12, xã K 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), hạn sau 07 ngày trả. Chị Tho Hoa B xác nhận, chị có vay tiền của Bà Tạ Thị C và chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền bà C nộp cho Tòa án đúng là chữ ký chữ viết của chị Tho Hoa B.

Ngoài số tiền 10.000.000đ mà ông Tho Văn C trả thay chị Tho Hoa B trả cho bà C được bà C thừa nhận ra thì các khoản tiền chị Tho Hoa B trình bày đã trả



cho Bà Tạ Thị C tiền gốc và lãi, chị Tho Hoa B không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Bà Tạ Thị C không yêu cầu Bà Lộc Thị T phải có trách nhiệm trả nợ đối với khoản tiền Bà Lộc Thị T ký bảo lãnh cho chị Tho Hoa B vay của bà C. Do vậy, HĐXX không xem xét về nghĩa vụ của Bà Lộc Thị T trong vụ án này.

Ông Tho Văn C không yêu cầu HĐXX xem xét về số tiền ông đã trả bà C thay chị Tho Hoa B nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Theo quy định tại Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá quá 20%/năm và lãi suất chậm trả được xác định là 10%/năm. Như vậy, căn cứ vào các Điều 280; 463, 466; 468; 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Tạ Thị C, buộc chị Tho Hoa B có nghĩa vụ trả cho Bà Tạ Thị C tiền cả gốc và lãi là 518.003.900 đồng (*Năm trăm mười tám triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*), trong đó tiền lãi là 21.003.900đ (*Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*), tiền gốc là 497.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng*). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Tho Hoa B chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Tho Hoa B không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Tho Hoa B phải chịu 24.720.156 đồng (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn một trăm năm mươi sáu đồng*) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Tạ Thị C không phải chịu án phí của vụ án. Trả lại Bà Tạ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.940.000đ (*Mười hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000559 ngày 19/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 463, 466; 468; 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Tho Hoa B phải có trách nhiệm trả cho Bà Tạ Thị C số tiền cả gốc và lãi là **518.003.900 đồng** (*Năm trăm mười tám triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*), trong đó tiền gốc là 497.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng*), tiền lãi là 21.003. 900đ (*Hai mươi một triệu không trăm linh ba nghìn chín trăm đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: Chị Tho Hoa B phải chịu phải chịu **24.720.156 đồng** (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn một trăm năm mươi sáu đồng*) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Tạ Thị C không phải chịu án phí. Trả lại Bà Tạ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **12.940.000đ** (*Mười hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000559 ngày 19/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 16//9/2020.

*" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự" ./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Lan**



**HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hà Hữu Bình - Lý Thị Nhân**

**Vương Thị Lan**

**HỘI THẨM NHÂN CÁC DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hà Hữu Bình - Lý Thị Nhân**

**Vương Thị Lan**

